

KẾ HOẠCH

Chăm sóc giáo dục tổ Mầm Chồi năm học 2024 - 2025

Căn cứ Kế hoạch số 06/CM-MNHHD ngày 6 tháng 9 năm 2024 của chuyên môn trường MN Hoa Hướng Dương về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn năm học 2024 – 2025;

Căn cứ vào kế hoạch số Số 07/ TMC-MNHHD ngày 7 tháng 9 năm 2024 về việc thực hiện chăm sóc giáo dục trẻ của tổ Mầm Chồi năm học 2024- 2025;

Căn cứ tình hình thực tế của lớp;

Lớp Chồi 3 xây dựng kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2024 - 2025 với những mục tiêu, nội dung như sau:

MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC:

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
1. Phát triển vận động		
a. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	Hô hấp: Hít vào, thở ra Tay: - Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). - Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau và trên đầu) Lưng, bụng, lườn: - Cúi về phía trước, ngửa ra sau. - Quay sang trái, sang phải. - Nghiêng người sang trái, sang phải. Chân: - Nhún chân. - Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. - Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.
b. Các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động		

MT2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đi bằng gót chân. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, đích dắc (đổi hướng) theo vạch chuẩn. - Đi khụy gối. - Đi lùi trên sàn
MT3	Kiểm soát được vận động chạy	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60- 80 m.
MT4	Phối hợp tay- mắt trong vận động tung bắt bóng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đập và bắt bóng tại chỗ. - Tung bắt bóng với người đối diện: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3m). - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Chuyên và bắt bóng qua đầu, qua chân.
MT5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập ném.	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.
MT6	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	<ul style="list-style-type: none"> - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3 - 4m. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Bò đích dắc qua 5 điểm.
MT7	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bật - nhảy	<ul style="list-style-type: none"> - Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40cm. - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Nhảy lò cò 3m. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30 – 40 cm). - Bật qua vật cản cao 10-15cm
MT8	Phối hợp tay- mắt trong vận động trườn.	<ul style="list-style-type: none"> - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5mx30 cm - Trèo lên xuống 5 gióng thang
MT9	Thực hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc.

		- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay
c. Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ		
MT10	Thực hiện được các vận động: Cuộn, xoay tròn cổ tay.	- Vo, xoắn, xoáy, vặn, búng ngón tay, vè, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nôi...
MT11	Thực hiện được các vận động: Gập, mở các ngón tay.	- Gập vào mở các ngón tay. - Gập giấy.
MT12	Xây dựng, lắp ráp với 10-12 khối hình.	- Xây dựng, lắp ráp trường học, người, nhà, ô tô, xe, đạp, thuyền buồm, bến tàu, chuồng, trại, biển báo giao thông, doanh trại bộ đội, lăng Bác Hồ,... - Trẻ biết xếp chồng 10 – 12 khối gỗ không đổ. - Xếp theo khả năng của trẻ.
MT 13	Biết tết sợi đôi.	- Trẻ thực hiện được thao tác tết sợi đôi.
MT14	Tự cài, cởi cúc, xâu, buộc dây.	- Cài, cởi cúc, kéo khóa, mặc áo, xâu hạt, buộc dây.
2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
a. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT15	Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm.	- Trẻ biết một số nhóm thực phẩm cùng nhóm: Thịt, cá, trứng có nhiều chất đạm - Rau, quả chín có nhiều vitamin...
MT16	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản.	- Biết tên một số món ăn hàng ngày như: Trứng rán, thịt kho, canh rau... - Nhận biết dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
MT17	Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	- Ăn đầy đủ các nhóm thực phẩm. - Không kén chọn thức ăn. - Ăn hết suất ăn.
MT18	Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật.	- Kể được các thức ăn, nước uống có hại: Có mùi hôi /chua/có màu lạ. Ví dụ các

		thức ăn ôi thiu, nước lã, rau quả khi chưa rửa sạch...sẽ bị đau bụng và ỉa chảy. - Không ăn, uống những thức ăn đó.
b. Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT19	Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng khu vực dành cho nam và cho nữ.
MT20	Tập đánh răng, lau mặt.	Thực hiện được với sự hướng dẫn của người lớn: - Tự chải răng, lau mặt.
MT21	Tự rửa tay bằng xà phòng.	- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng theo quy trình 6 bước. - Tự rửa tay bằng xà phòng.
MT22	Trẻ tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	- Trẻ biết cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không làm đổ cơm và thức ăn ra ngoài. - Tư thế ngồi thoải mái.
MT23	Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- Khi bị ướt, bẩn trẻ tự lấy quần áo và thay hoặc nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
c. Có một số hành vi, thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT24	Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Khi thấy rác trẻ biết nhặt rác và bỏ rác vào thùng rác.
MT25	Có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã.
MT26	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở.	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.
d. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT27	Biết tránh một số nơi nguy hiểm.	- Giáo dục cho trẻ không được lại gần những nơi nguy hiểm như: Ổ điện, bếp đang đun, phích nước nóng,...
MT28	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	- Không cười đùa trong khi ăn, uống, hoặc khi ăn các loại quả có hạt,...

MT29	Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	<ul style="list-style-type: none"> - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không bỏ vật nhỏ vào mũi, tai, miệng
MT30	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.
II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá khoa học		
a. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT31	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.	<ul style="list-style-type: none"> - Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới) - Hay đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lại bị ướt?....
MT32	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại của con người. - Đặc điểm công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi và các hiện tượng xung quanh. - Một vài đặc điểm, tính chất của nước, đất, đá, cát, sỏi...
MT33	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hiện, trải nghiệm 1 số bài thí nghiệm, đưa ra ý kiến nhận xét, so sánh... - Làm thí nghiệm vật chìm vật nổi - Làm thí nghiệm các loại nước, pha màu, muối đường hòa tan trong nước...
MT34	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu. - Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số đồ dùng, đồ chơi theo 1-2 dấu hiệu.
MT35	Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên một số loại đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm bên ngoài của đồ dùng, đồ chơi.

		<ul style="list-style-type: none"> - Công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.
MT36	Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ gọi tên, đặc điểm công dụng của một số phương tiện giao thông, biển báo giao thông, luật lệ giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 phương tiện giao thông,...
MT37	Đặc điểm bên ngoài của con vật, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người.	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi tên, hoa, quả con vật, cây cối gần gũi xung quanh. - Biết được đặc điểm bên ngoài của con vật, hoa, quả gần gũi, lợi ích và tác hại đối với con người. - Phân loại, so sánh sự giống nhau và khác nhau của cây, con vật, hoa, quả...theo 1-2 dấu hiệu. - Giáo dục trẻ cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.
MT38	So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh được sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
MT39	Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết ban ngày: Trời sáng, sinh hoạt của con người, con vật, cây. - Trẻ biết ban đêm: Trời tối. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm
MT40	Ích lợi của nước với đời sống của con người, con vật và cây.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - So sánh 2-3 nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Nước có ích lợi đối với đời sống con người, con vật, cây
MT41	Nhận xét, trò chuyện về	Biết đưa ra nhận xét, trò chuyện về đặc

	đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau các đối tượng được quan sát.	điểm, sự khác nhau, giống nhau các đối tượng được quan sát như đặc điểm bên ngoài của các sự vật hiện tượng, các con vật gần gũi, ích lợi và tác hại của chúng đối với con người
MT42	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết các ngày trong tuần. - Nhận biết dấu hiệu của các mùa trong năm và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người. - Biết Tây Nguyên có 2 mùa rõ rệt và ảnh hưởng của của nó đến sinh hoạt của con người.
b. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT43	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét thảo luận được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. - Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. <p>Ví dụ: Cho thêm đường / muối nên nước ngọt / mặn hơn.</p>
MT44	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn. Ví dụ: “làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn”,... - Trẻ tự giải quyết vấn đề theo khả năng của trẻ.
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
a. Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm		
MT45	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?.	<ul style="list-style-type: none"> - Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. - Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng các số thứ tự. - Đếm và nói đúng số lượng đến 5 (hạt na, cái cúc, hạt nhựa, con vật, bông hoa,

		cây,...) - Đọc được các chữ số từ 1 đến 5 và chữ số 0. - Chọn thẻ chữ số tương ứng (hoặc viết) với số lượng đã đếm được. - Đếm số lượng theo khả năng trẻ.
MT46	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. - Đếm số lượng trên tranh, ảnh, đồ dùng, đồ chơi... - Đếm theo khả năng của trẻ.
MT47	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. - Đếm theo khả năng của trẻ.
MT48	Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5. - Kiểm tra, đếm và nói kết quả.
MT49	Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	Tách 5 đồ vật (hạt na, cái cúc, hạt nhựa...) thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.
MT50	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	Xếp tương ứng 1.1, ghép đôi.
b. Sắp xếp theo quy tắc		
MT51	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.	- Xếp theo quy tắc 1-1,2-2,3-3, 1-2,1-3,2-3... - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. - Xếp xen kẽ.
c. So sánh hai đối tượng		
MT52	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo của 2 đối tượng. - Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo - Nói đúng kết quả đo
d. Nhận biết hình dạng		
MT53	Chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa hai hình	- Gọi tên được hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật

	(hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật)	- So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa hai hình hình tròn và tam giác, hình vuông và chữ nhật.
MT54	Trẻ biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	+ Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe) + Giải thích bằng mẫu câu: Tại vì...nên...)
e. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT55	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái)	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân và so với bạn khác như: phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới phía phải - phía trái.
MT56	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày theo sự giúp đỡ của cô như: buổi sáng từ 6-10h; trưa từ 11h-13h; buổi chiều 13h30- 17h, tối từ 18h...
3. Khám phá xã hội		
a. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT57	Nói họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình. - Trẻ nhớ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ, một số nhu cầu của gia đình, địa chỉ gia đình. - Giáo dục trẻ sự yêu thương, đùm bọc giữa các thành viên trong gia đình...
MT58	Tên, địa chỉ của trường, lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô, bác ở trường.	- Trẻ nhớ tên, địa chỉ của trường, lớp và một số công việc của cô giáo và các cô, bác trong trường. - Giáo dục trẻ luôn tôn trọng và kính yêu, lễ phép với cô giáo và các cô, bác trong trường.
MT59	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường, ở lớp.	- Trẻ nhớ tên, nhận biết các đặc điểm trên cơ thể như: tóc, cao – thấp, gầy – mập, tóc dài – tóc ngắn... - Nhận xét sự giống và khác nhau giữa bạn trai và bạn gái.

b. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT60	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ gọi tên, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như: (nghề nông - nghề công nhân, nghề dạy học - Bác sĩ, ...) khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh. - Biết tạo hình mô phỏng một công cụ hay sản phẩm nào đó.
c. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT61	Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên và nói được một vài đặc điểm nổi bật của ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước, ở địa phương như: ngày tết cổ truyền Việt Nam. Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày Quốc Khánh 2/9, 5/9 (ngày hội đền trường) .(Ngày nhà giáo Việt Nam: 20/11, 8/3, 30/4, 1/6....)...
MT62	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	<ul style="list-style-type: none"> - Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, một vài đặc điểm nổi bật danh lam thắng cảnh ở địa phương...
III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT63	Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	<ul style="list-style-type: none"> - Nói được từ khái quát chỉ các vật (hoặc đồ vật) sau khi được xem vật thật hoặc tranh các vật (hoặc đồ vật) cùng loại và nghe nói mẫu từ khái quát chỉ các vật hoặc đồ vật nào đó. Ví dụ: Đưa ra trước mặt trẻ các đồ vật sau (có thể dùng tranh): Cốc, ca, li và chỉ vào các đồ vật đó nói: Đây là cái cốc, ca, li. Tất cả được gọi chung là đồ dùng để uống ... - Giải nghĩa một số từ với sự giúp đỡ của người khác. (Chó là một con vật có bốn chân)...
MT64	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại: ví dụ (cô vừa kể cho

		<p>các con nghe câu chuyện gì? Kể tên các con vật trong chuyện cho cô? Hay trong tranh có con vật gì....?trong bài thơ đã miêu tả đến ai, con vật gì...</p> <p>- Nghe các bài hát bài thơ, ca dao, đồng dao, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p>
MT65	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	<p>- Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao hò vè.</p> <p>- Trẻ đọc diễn cảm bài thơ, câu truyện, ca dao, đồng dao, hò vè.</p> <p>- Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, câu truyện, ca dao, đồng dao, hò vè.</p>
MT66	Nghe hiểu nội dung truyện kể, đọc truyện phù hợp với độ tuổi.	<p>- Trẻ được nghe, hiểu về nội dung, tình tiết, nhân vật trong truyện phù hợp với độ tuổi.</p> <p>- Biết kể chuyện cùng cô.</p>
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
MT 67	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	<p>- Phát âm đúng và rõ ràng.</p> <p>- Trả lời được theo ý của câu hỏi.</p> <p>- Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được.</p>
MT68	Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	<p>- Trẻ biết thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp thể hiện tính cách nhân vật theo lời dẫn truyện của giáo viên.</p> <p>- Thể hiện được các vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề...</p> <p>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.</p>
MT69	Đóng kịch	- Trẻ đóng kịch theo khả năng của trẻ hay sự giúp đỡ của cô.
MT70	Kể chuyện có mở đầu kết thúc.	<p>- Kể lại câu chuyện ngắn dựa vào trí nhớ hoặc qua truyện đã được cô giáo, bố mẹ kể hoặc đọc cho trẻ nghe với đầy đủ yếu tố (nhân vật, lời nói của các nhân vật, thời gian, địa điểm và diễn biến theo đúng trình tự nội dung của câu chuyện.</p> <p>Lời kể rõ ràng thể hiện qua cảm xúc, lời</p>

		kể và cử chỉ, nét mặt.
MT71	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh nói nhẹ nhàng, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.
3. Làm quen với việc đọc – viết		
MT72	Chọn sách để xem.	- Biết chọn sách tranh truyện để xem. - Thể hiện sự thích thú với sách. Trẻ mang sách, truyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi, trao đổi về chuyện được nghe, đọc.
MT73	Mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh.	- Biết mô tả các hành động của các nhân vật trong tranh theo khả năng của trẻ.
MT74	Cầm sách đúng chiều và giờ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”)	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Biết cách mở, xem tranh trong sách đúng chiều mở lật sách. Xem tranh và kể truyện theo tranh. - Biết đọc sách từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.
MT75	Nhận dạng một số chữ cái.	- Trẻ nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt dưới sự giúp đỡ của cô.
MT76	Tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Cầm bút và ngồi đúng cách. - Biết tập tô, tập đồ các nét trong vui chơi và các hoạt động hàng ngày. - Cho trẻ làm quen với các nét chữ cơ bản: nét thẳng, nét ngang, xiên trái, xiên phải, cong tròn khép kín, nét móc xuôi.
MT77	Giữ gìn, bảo vệ sách	- Để sách đúng nơi qui định. - Giữ gìn sách: không ném, vẽ bậy, xé, làm nhăn, nhàu, hỏng sách, ngồi, dẫm,.. lên sách. - Có thái độ tốt đối với sách.(buồn, không đồng tình khi bạn làm hỏng sách; áy náy lo lắng khi nhìn thấy sách bị hỏng, rách,...)
MT78	Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nói	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông:

	như hiểm	đường cho người đi bộ,...)
MT79	Trẻ biết sử dụng kí hiệu để viết: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ - Yêu cầu người lớn viết lời chuyện do trẻ tự nghĩ dưới tranh vẽ.
IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Phát triển tình cảm		
a. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT80	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết giới thiệu về bản thân. - Họ và tên trẻ, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân. - Biết và nói được tên bố, tên mẹ.
MT81	Nói được điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nói được sở thích của bản thân. VD. Con thích chơi bán hàng, thích nghe kể chuyện - Trẻ nói được điều thích, không thích những việc gì bé có thể làm được.
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT82	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích của trẻ. - Biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi, đoàn kết khi tham gia vào trò chơi.
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT83	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt cử chỉ giọng nói, tranh ảnh.	- Trẻ nhận biết và nói được một số trạng thái cảm xúc của người khác : Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, điệu bộ khi tiếp xúc trực tiếp, hoặc qua tranh, ảnh.
MT84	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua	- Trẻ thể hiện những trạng thái cảm xúc của bản thân: Vui, buồn, ngạc nhiên, sợ

	cử chỉ, giọng nói, trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình.	hãi, tức giận, xấu hổ qua lời nói, nét mặt, cử chỉ, và điệu bộ trò chơi, đọc thơ, kể chuyện, hát, vận động, vẽ, nặn, xếp hình...trong các hoạt động.
MT85	Kính yêu Bác Hồ	- Xem tranh ảnh Bác Hồ. - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua bài hát, bài thơ, câu chuyện về Bác Hồ.
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT86	Một số quy định ở lớp và gia đình và cộng đồng.	- Biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình và cộng đồng như: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường... - Biết giúp đỡ cô giáo, ông bà, bố mẹ, bạn bè. - Tôn trọng, yêu thương người lớn và các em nhỏ, biết nhường em.
MT87	Biết nói lời nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép với người lớn. - Phân biệt được tốt, xấu; đúng, sai.
MT88	Chờ đến lượt, hợp tác	- Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. - Trong các trường hợp đông người, trẻ biết xếp hàng, vui vẻ (kiên nhẫn) chờ đến lượt. - Không chen ngang, không xô đẩy người khác. - Không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
MT89	Quan tâm, giúp đỡ bạn.	- Không đánh bạn, không dành giật của bạn, không la hét hoặc nằm ăn vạ. Yêu mến bạn, an ủi, dỗ dành bạn,... - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn.
MT90	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
MT91	Biết trao đổi thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung(chơi,	- Biết trình bày ý kiến của mình với các bạn. - Biết dùng lời để trao đổi hoặc biết nhờ đến sự giúp đỡ.

	trực nhật...)	- Biết thoả thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn.
MT92	Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Phân biệt, mô tả được các hành vi đúng / sai trong ứng xử trong giao tiếp với môi trường xung quanh.
5. Quan tâm đến môi trường		
MT93	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Thích quan sát, thích được chăm sóc bảo vệ, cây trồng, vật nuôi (bón phân, nhổ cỏ, tưới nước, nhặt lá vàng, cho các con vật ăn (gà, vịt,..))
MT94	Không bẻ cành, bứt hoa.	- Trẻ không bẻ cành, bứt hoa làm ảnh hưởng đến cảnh quang môi trường.
MT95	Tiết kiệm điện, nước.	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt tắt điện khi ra khỏi phòng.
V. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật		
MT96	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	- Vui sướng, vỗ tay, nói lời cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. (như màu sắc, hình dáng...)
MT97	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	- Trẻ nghe và cảm nhận, thể hiện được nhịp điệu bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, nghe kể câu chuyện... - Nhận ra các loại nhạc như: (nhạc thiếu nhi, dân ca, quốc tế,...) tục ngữ, ca dao, hò, vè...
MT98	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của tác phẩm tạo	- Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình về màu sắc, hình dáng...của tác phẩm tạo hình. - Trẻ biết yêu cái đẹp, biết tạo ra cái đẹp.

	hình.	
2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT99	Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau, tỏ ra thích thú khi nghe những giai điệu dân ca, nhạc thiếu nhi... - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát dân ca, thiếu nhi...
MT100	Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	<ul style="list-style-type: none"> - Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - Biết thể hiện cử chỉ qua lời bài hát. - Trẻ cảm nhận được nội dung của bài hát
MT101	Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc.	<ul style="list-style-type: none"> - Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc. (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa...).
MT102	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	<ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng 1 số dụng cụ âm nhạc như kèn, trống, sắc xô, gõ... theo phách, nhịp, tiết tấu. - Biết tên gọi 1 số dụng cụ đó.
MT103	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phối hợp và sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên sẵn có để tạo ra sản phẩm.
MT104	Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kĩ năng vẽ, tô màu để tạo ra sản phẩm có màu sắc, hình dáng/đường nét.(theo mẫu, theo đề tài, theo ý thích). - Vẽ, tô màu các nét thẳng, xiên, ngang, cây, nhà, đồ vật, đồ chơi, con vật, vẽ mưa.
MT105	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong,..và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kĩ năng xé, cắt để tạo ra sản phẩm đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn. - Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. - Xé hình vuông, tam giác, hình chữ nhật, hình tròn, theo sự giúp đỡ của cô giáo... - Dán đúng vị trí để tạo thành sản phẩm có bố cục hợp lí, đẹp mắt.
MT106	Làm lốm, đổ bột, bẻ loe,	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản

	vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết	phẩm. - Nặn bánh, hình tròn, hình vuông, nặn các loại quả....
MT107	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Biết đưa ra nhận xét sản phẩm tạo hình của bản thân và của bạn khác.
3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT108	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát. - Sử dụng dụng cụ âm nhạc theo ý thích.
MT109	Tự lựa chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Sử dụng các kỹ năng để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét, bố cục theo ý thích của trẻ.
MT110	Nói tên ý tưởng tạo hình của mình.	- Biết nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình theo khả năng của trẻ, theo sự gợi ý của cô.

DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	CHỦ ĐỀ		TUẦN	THỜI GIAN THỰC HIỆN
1	Trường Mầm Non (4 tuần)	1. Ngày hội đến trường của bé	1	9/9 đến 13/9/2024
		2. Trường MN của bé - Tết trung thu	2	16/9 đến 20/9/2024 (sự kiện TT ngày 17)
		3. Lớp học của bé	3	23/9 đến 27/09/2024
		4. Đồ dùng, đồ chơi của lớp	4	30/9 đến 4/10/2024
2	Bản Thân (3 tuần)	1. Tôi là ai	5	7/10 đến 11/10/2024
		2. Cơ thể tôi	6	14/10 đến 18/10/2024
		3. Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh (Ngày phụ nữ việt nam)	7	21/10 đến 25/10/2024

3	Gia Đình (4 tuần)	1. Gia đình bé	8	28/10 đến 1/11/2024	
		2. Họ hàng của gia đình bé	9	4/11 đến 8/11/2024	
		3. Đồ dùng trong gia đình bé	10	11/11 đến 15/11/2024	
		4. Nhu cầu của gia đình (Ngày hội của các thầy cô giáo)	11	18/11 đến 22/11/2024	
4	Nghề Nghiệp (4 tuần)	1. Nghề xây dựng	12	25/11 đến 29/11/2024	
		2. Nghề sản xuất	13	2/12 đến 6/12/2024	
		3. Nghề dịch vụ	14	9/12 đến 13/12/2024	
		4. Nghề truyền thống ở địa phương (Lồng ghép ngày 22/12)	15	16/12 đến 20/12/2024	
5	Thế giới động vật (4 tuần)	1. Động vật nuôi trong gia đình	16	23/12 đến 27/12/2024	
		2. Động vật sống dưới nước	17	30/12 đến 3/01/2025 (Tết dương lịch)	
		3. Động vật sống trong rừng	18	6/1 đến 10/1/2025	
		4. Chim và côn trùng	19	13/01 đến 17/01/2025	
6	Thế giới thực vật (4 tuần)	1. Tết nguyên đán	20	20/1 đến 24/01/2025	
		Dự kiến nghỉ tết Nguyên đán từ ngày 27/1/2025 đến ngày 4/2/2025			
		2. Một số loại rau	21	5/2 đến 7/02/2025	
		3. Một số loại hoa -quả	22	10/02 đến 14/02/2025	
	4. Cây xanh và môi trường sống	23	17/2 đến 21/02/2025		
7	Một số PTGT-	1. Phương tiện giao thông đường bộ.	24	24/2 đến 28/2/2025	

	LLGT (4 tuần)	2. PTGT Đường sắt (Lồng ghép 8/3)	25	3/3 đến 7/03/2025
		3. PTGT Đường thủy- Đường hàng không	26	10/3 đến 14/3/2025
		4. Luật lệ giao thông	27	17/3 đến 21/3/2025
8	Nước - HTTN (4 tuần)	1. Một số hiện tượng tự nhiên	28	24/3 đến 28/03/2025
		2. Sự kì diệu của nước	29	31/3 đến 4/4/2025
		3. Các mùa trong năm	30	7/04 đến 11/4/2025
		4. Mùa hè của bé	31	14/4 đến 18 /4/2025
9	QHĐN BH – Tết thiếu nhi (4 tuần)	1. Quê hương của bé	32	21/4 đến 25/4/2025
		2. Đất nước Việt Nam điệu kỳ	33	28/4 đến 2/5/2025
		3. Bác Hồ kính yêu	34	5/5 đến 9/5/2025
		4. Vui tết thiếu nhi 1.6	35	12/5 đến 16/5/2025

Trên đây là Kế hoạch chăm sóc giáo dục của lớp Chồi 3 năm học 2024 - 2025. Kính đề nghị BGH nhà trường xem xét, phê duyệt để lớp Chồi 3 tiến hành thực hiện đạt hiệu quả./.

BAN GIÁM HIỆU PHÊ DUYỆT



Bùi Thị Thu Hằng

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

Nguyễn Thị Vân Anh

Trần Thị Hạnh

